

## BÀI 3

### TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

#### PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

**Câu 1.** Một trong những biểu tượng của cho sự kết thúc của Chiến tranh lạnh là

- A. sự xuất hiện của xu thế toàn cầu hóa.
- B. Bức tường Béc-lin sụp đổ (1989).
- C. Mỹ sang thăm Liên Xô (1972).
- D. Mỹ sang thăm Trung Quốc (1972).

**Câu 2.** Trật tự thế giới đa cực được hình thành sau khi

- A. chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- C. xu thế hòa hoãn Đông-Tây xuất hiện.
- D. Mỹ phát động chiến tranh lạnh.

**Câu 3.** Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược phát triển tập trung vào

- A. kinh tế.
- B. văn hóa.
- C. quốc phòng.
- D. chính trị.

**Câu 4.** Sau Chiến tranh lạnh, một trong những mục tiêu của các quốc gia là

- A. triệt tiêu cạnh tranh trong phát triển kinh tế.
- B. xây dựng nền kinh tế vững mạnh.
- C. xóa bỏ hoàn toàn hệ thống thuộc địa.
- D. khôi phục lại trật tự thế giới hai cực.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển quân sự làm trọng điểm.
- B. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
- C. Mỹ nắm vai trò là siêu cường duy nhất chi phối quan hệ quốc tế.
- D. Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng hòa hoãn, đối thoại, hợp tác.

**Câu 6.** Sau Chiến tranh lạnh, các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng hòa hoãn, đối thoại, hợp tác chủ yếu là do

- A. trật tự hai cực I-an-ta đã được xác lập.
- B. nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế.
- C. kinh tế Liên Xô đang lâm vào khủng hoảng.
- D. Mỹ và Liên Xô hạn chế chạy đua vũ trang.

**Câu 7.** Xu thế đối thoại trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh là

- A. tăng cường sức mạnh kinh tế, quân sự.
- B. giải quyết bất đồng bằng thương lượng hoà bình.
- C. đối đầu, cạnh tranh căng thẳng.
- D. giải quyết tranh chấp bằng vũ lực.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Các nước giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hòa bình.
- B. Các nước xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài trên cơ sở hai bên cùng có lợi.
- C. Các nước liên minh với nhau hình thành các tổ chức quân sự lớn ở các châu lục.
- D. Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng hòa hoãn, đối thoại đa phương hóa.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây **không phải** là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.      B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế.  
C. Sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia.      D. Sự hình thành các liên minh quân sự.

**Câu 10.** Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện là hệ quả của

- A. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.      B. cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.  
C. phong trào giải phóng dân tộc.      D. Chiến tranh lạnh chấm dứt.

**Câu 11.** Toàn cầu hóa ra đời là

- A. xu thế phát triển tất yếu của xã hội.      B. xu thế phát triển tất yếu của nhân loại.  
C. xu thế chủ quan không thể đảo ngược.      D. xu thế khách quan không thể đảo ngược.

**Câu 12.** Biểu hiện nào dưới đây **không** phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển quân sự làm trọng điểm.  
B. Trật tự thế giới đa cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.  
C. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.  
D. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực.

**Câu 13.** Khái niệm “đa cực” được hiểu là

- A. trạng thái địa – văn hoá toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối.  
B. một trật tự mới với vai trò vượt trội của Mỹ, chi phối các nước khác.  
C. một trật tự thế giới mà các nước vừa và nhỏ có vai trò quyết định.  
D. trạng thái địa – chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối.

**Câu 14.** Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Các trung tâm quyền lực vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.  
B. Các nước tăng cường chạy đua về kinh tế và quân sự, hình thành các liên minh xuyên lục địa.  
C. Sự lớn mạnh của Trung Quốc trước cải cách, mở cửa, đe dọa đến vị trí số 1 của Mỹ.  
D. Các nước trong khối NATO liên kết với nhau tạo ra sức mạnh quân sự vượt trội.

**Câu 15.** Nội dung nào sau đây **không phải** là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.  
B. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba ngày càng đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt là về kinh tế.  
C. Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.  
D. Vai trò của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn.

**Câu 16.** Sau Chiến tranh lạnh, nhân tố nào sau đây đóng vai trò quyết định sức mạnh tổng hợp của quốc gia?

- A. Sức mạnh chính trị - đối ngoại.      B. Thực lực kinh tế và khoa học - kỹ thuật.  
C. Sức mạnh chính trị - quân sự.      D. Sự phát triển văn hoá - giáo dục.

**Câu 17.** Một trong những nhân tố quan trọng tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt là

- A. sự hình thành và lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa  
B. sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học-công nghệ  
C. cuộc chạy đua về vũ khí hạt nhân giữa các cường quốc.  
D. cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa.

**Câu 18.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới đa cực?

- A. Lợi ích của dân tộc được đặt lên vị trí hàng đầu.  
B. Sức mạnh của Mỹ được tăng cường tuyệt đối.  
C. Có sự cân bằng giữa hai hệ thống xã hội đối lập.  
D. Được thành lập ngay sau khi chiến tranh lạnh kết thúc.

**Câu 19.** Trật tự thế giới mới theo xu thế đa cực được hình thành trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô không ngừng mở rộng.
- B. Mỹ vươn lên trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới tư bản.
- C. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bị sụp đổ.
- D. Thế giới phân chia theo cục diện hai cực - hai phe đối đầu nhau.

**Câu 20.** Tổ chức, diễn đàn nào sau đây xuất hiện trong xu thế đa cực của thế giới từ sau năm 1991?

- A. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- B. Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).
- C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- D. Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

**Câu 21.** Sự kiện lịch sử nào sau đây diễn ra sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương được thành lập.
- B. Trung Quốc vươn lên thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới
- C. Các thế lực phát xít lên cầm quyền ở một số nước châu Âu.
- D. Liên Xô và Mỹ thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược.

**Câu 22.** Đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt là

- A. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.
- B. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác.
- C. Hòa bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
- D. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối đầu gay gắt.

**Câu 23.** Một trong những nhân tố quan trọng tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt là

- A. cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi
- B. cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp giữa các cường quốc.
- C. sự trỗi dậy của chủ nghĩa khủng bố trên phạm vi toàn cầu.
- D. cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa.

**Câu 24.** Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, tổ chức nào sau đây đã vươn lên trở thành một cực trong trật tự thế giới đa cực?

- A. Liên minh châu Âu
- B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
- D. Diễn đàn hợp tác Á – Âu

**Câu 25.** Trong trật tự thế giới đa cực, hai cực có tầm ảnh hưởng lớn nhất là

- A. Nhật Bản và Trung Quốc
- B. Mỹ và Trung Quốc
- C. Nhật Bản và Ấn Độ
- D. Liên bang Nga và Ấn Độ

**Câu 26.** Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, nước xã hội chủ nghĩa nào sau đây đã vươn lên trở thành một cực trong trật tự thế giới đa cực?

- A. Liên bang Nga
- B. Trung Quốc
- C. Ấn Độ
- D. Nhật Bản

**Câu 27.** Sau khi trật tự hai I-an-ta sụp đổ, quốc gia nào sau đây ra sức thiết lập trật tự thế giới đơn cực?

- A. Liên bang Nga
- B. Mỹ
- C. Nhật Bản
- D. Ấn Độ

**Câu 28.** Trong trật tự thế giới đa cực, quốc gia nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ quốc tế?

A. Ấn Độ

B. Nhật Bản

C. Mỹ

D. Anh

**Câu 29.** Nội dung nào sau đây phản ánh điểm khác biệt giữa trật tự đa cực so với trật tự hai cực I-an-ta?

A. Bị chi phối bởi quyền lợi của các cường quốc.

B. Hòa bình, đối thoại, hợp tác là xu thế chủ đạo.

C. Hình thành sau khi chiến tranh thế giới kết thúc.

D. Các nước tập trung phát triển quân sự là trọng điểm.

**Câu 30.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa trật tự đa cực so với trật tự hai cực I-an-ta?

A. Tồn tại hai hệ thống kinh tế - xã hội đối lập nhau

B. Được hình thành khi chiến tranh thế giới kết thúc

C. Các nước lớn giữ vai trò chi phối quan hệ quốc tế

D. Các nước tập trung phát triển kinh tế là trọng điểm.

**Câu 31.** “*Không có một trung tâm quyền lực thống trị, thay vào đó, nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu*”. Đoạn thông tin trên phản ánh đặc điểm của trật tự thế giới nào sau đây?

A. trật tự đa cực

B. Trật tự đơn cực

C. Trật tự hai cực I-an-ta

D. Trật tự Vécxai – Oasinhton

**Câu 32.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới mới được hình thành sau khi trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ?

A. Mỹ và Trung Quốc là hai siêu cường nắm hoàn toàn quyền chi phối quan hệ quốc tế.

B. Vai trò của các trung tâm, các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực bị suy giảm.

C. Sự hình thành trật tự thế giới mới là tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc.

D. Sự hình thành trật tự thế giới mới bị chi phối bởi kết quả của các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

**Câu 33.** Cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, để hội nhập vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cần giữ vững nguyên tắc đối thoại nào?

A. Trung lập trước các vấn đề lớn của quốc tế.

B. Giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia dân tộc.

C. Có phương pháp đối thoại chung với mọi đối tác.

D. Lấy hội nhập chính trị làm cơ sở hội nhập kinh tế.

**Câu 34.** Các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò

A. là cầu nối giữa các quốc gia, đã thúc đẩy kinh tế phát triển.

B. giải quyết các vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

C. hỗ trợ, giúp đỡ kinh tế, tài chính các nước nghèo phát triển.

D. thúc đẩy nền kinh tế khu vực và thế giới phát triển vững chắc.

**Câu 35.** Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, thời cơ Việt Nam có thể tận dụng để xây dựng và phát triển đất nước là gì?

A. Không bị áp dụng luật chống bán phá giá.

B. Sự ổn định tình hình chính trị trong nước.

C. Mua được các bằng phát minh với giá rẻ.

D. Thu hút vốn, tiếp thu thành tựu khoa học.

**Câu 36.** Trước xu thế hội nhập hiện nay, nguy cơ lớn đối với Việt Nam là

- D. đã phát sinh nhiều bệnh dịch mới.**

**Câu 37.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới đa cực trong quan hệ quốc tế?

- D. Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến xu thế đa cực.**

**Câu 38.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới đa cực?

- D.** Được thành lập ngay sau khi chiến tranh lạnh kết thúc.  
CÂU 20. Một số ..... là ..... của ..... và .....  
.....

**Câu 39.** Một trong những nhân tố quan trọng tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt là

- D. cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa.**

**Câu 40.** Ý nào dưới đây **không** phải là xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- D. Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế.**

**Câu 41.** Nguyên nhân nào thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa?

- D. Sự đối thoại, hợp tác dựa trên cơ sở hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, cùng tồn tại hòa bình.**

**Câu 42.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- D. Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng hòa hoãn, đối thoại đa phương hóa.**

**Câu 43.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới đa cực trong quan hệ quốc tế?

- D.** Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến xu thế đa cực.

**Câu 44.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới mới được hình thành sau khi trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ?

- D. Sự hình thành trật tự bị chi phối bởi kết quả của các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc**

## PHẦN 2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a,b,c,d.

*"Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô — Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học - kĩ thuật".*

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

- A. Xu thế chính trong quan hệ giữa các nước sau Chiến tranh lạnh là hợp tác, đối thoại.
- B. Sức mạnh tổng hợp quốc gia chỉ gồm hai nhân tố là kinh tế và khoa học - kĩ thuật.
- C. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và sự suy yếu của Mỹ trong thời kì Chiến tranh lạnh là việc phát triển kinh tế, ngoại giao giữa hai cường quốc.
- D. Sự vươn lên của Đức, Nhật và NICs (các nước công nghiệp mới) đã tác động đến xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

**Câu 2.** Cho bảng dữ liệu dưới đây về một số trung tâm quyền lực thế giới, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a,b,c,d.

**Bảng 1. Một số trung tâm quyền lực thế giới**

|                               |                                                                                                                                                      |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mỹ</b>                     | vẫn là cường quốc số một thế giới. Với sức mạnh vượt trội về kinh tế, quân sự. khoa học, kĩ thuật,..., Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ quốc tế. |
| <b>Trung Quốc</b>             | Vươn lên mạnh mẽ, vượt Nhật Bản (năm 2010) để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (sau Mỹ), sức mạnh quân sự không ngừng được tăng cường.     |
| <b>Liên minh châu Âu (EU)</b> | Tiếp tục là tổ chức liên kết khu vực chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực, có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu về kinh tế, thương mại.                        |
| <b>Liên bang Nga</b>          | hục hồi mạnh mẽ, là một trong những cường quốc hàng đầu về quân sự, khoa học, kĩ thuật.                                                              |

- A. Sau Chiến tranh lạnh, Mỹ vẫn là cường quốc số một thế giới và chi phối **toàn bộ** quan hệ quốc tế.
- B. Liên minh châu Âu vươn lên và trở thành trung tâm kinh tế lớn của thế giới.
- C. Trung Quốc đã trỗi dậy mạnh mẽ trong thời kì sau Chiến tranh lạnh, trở thành một trong những trung tâm quyền lực của thế giới
- D. Mỹ, Trung Quốc, Liên bang Nga,... trở thành các cường quốc hàng đầu thế giới dẫn đến tình trạng

đôi đầu quân sự căng thẳng, cạnh tranh khốc liệt trong quan hệ quốc tế.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a,b,c,d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

*“Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp,...; Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa,...); Sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những “đột phá” và biến chuyển trên cục diện thế giới”.*

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424)

- a. Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung chính là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- b. Anh, Pháp ngày càng trở thành những cực lớn nhất trong trật tự thế giới đa cực từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- c. Sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật là nhân tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới.
- d. Sức mạnh tổng hợp của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức sẽ góp phần định hình trật tự thế giới mới.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a,b,c,d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Cục diện thế giới hiện nay (từ đầu thế kỷ XXI đến nay), vừa chứa đựng một số đặc điểm kế thừa từ các cục diện trước đó, vừa có biểu hiện mới của đặc điểm cũ và cả những đặc điểm mới. Rõ nhất là đặc điểm đa cực, đa trung tâm: hiện nhiên đã từng xuất hiện từ những năm cuối thế kỷ XX, nhưng từ khi Trung Quốc trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới (năm 2010), tương quan quyền lực giữa các cực, các trung tâm đã khác hẳn, tạo cơ sở cho quyết định chấm dứt thời kỳ “giấu mình, chờ thời” (năm 2017) của cường quốc đang trỗi dậy. Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong những năm vừa qua có thể được xem như đặc điểm mới của cục diện thế giới hiện nay, mặc dù đã manh nha từ nhiều năm trước”.

(Nguyễn Viết Thảo, *Bối cảnh hình thành và đặc điểm nổi bật của cục diện thế giới hiện nay, Tạp chí lí luận chính trị Số 541 (3/2023), tr.151*)

- a. Đoạn tư liệu đề cập đến bối cảnh hình thành và đặc điểm nổi bật của cục diện thế giới hiện nay.
- b. Sau Chiến tranh lạnh, trật tự đa cực nhiều trung tâm dần hình thành với ưu thế tuyệt đối thuộc về Mỹ và Trung Quốc.
- c. Tương quan lực lượng giữa các cường quốc là một trong những nhân tố tác động đến việc hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.
- d. Từ năm 1991, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong thời kì Chiến tranh lạnh là chạy đua vũ trang được thay thế bằng cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a,b,c,d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“ Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN) thế giới đã kết thúc thời kỳ thế giới hai cực, chấm dứt sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, mở ra một thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu thực sự với sự chuyển đổi của hầu hết các quốc gia đã từng là XHCN, các quốc gia đang phát triển sang kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế

hòa bình, hợp tác phát triển đã trở thành xu thế chính của thời đại. Đây là đặc trưng cực kỳ quan trọng.

(Võ Đại Lược: *Những vấn đề lớn về toàn cầu hoá kinh tế*,

*Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 9(125)-2006, tr.9.)

a. Chiến tranh lạnh thực sự kết thúc khi Liên Xô tan rã và trật tự hai cực sụp đổ.

b. Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh mở ra xu thế toàn cầu hóa và một thời kỳ hội nhập quốc tế toàn cầu thực sự.

c. Hòa bình, hợp tác và phát triển là dòng chảy chính của thời đại, phổ biến của sự phát triển thế giới.

d. Chấm dứt sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội đã đưa đến sự xác lập của trật tự thế giới đa cực nhiều trung tâm.

**Câu 6:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật”.

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

a .Kinh tế và khoa học – kĩ thuật là hai yếu tố chủ yếu tạo nên sức mạnh tổng hợp của một quốc gia sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

b . Một trong những bài học rút ra từ thời kì chiến tranh lạnh cho tất cả các quốc gia là không nên tập trung vào phát triển quân sự, quốc phòng đất nước.

c . Sau thời kì chiến tranh lạnh, Xô – Mỹ lấy đối đầu về chính trị - quân sự là chủ yếu, trong khi đó Đức và Nhật Bản lại lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chủ yếu.

d . Trong thời kì chiến tranh lạnh và sau thời kì chiến tranh lạnh, nội dung của quan hệ quốc tế có sự điều chỉnh từ chỗ lấy yếu tố quân sự sang lấy yếu tố kinh tế là trọng tâm.

---

## BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

### PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

**Câu 1.** Bối cảnh quốc tế nào sau đây dẫn đến quá trình hình thành của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Các nước Đông Nam Á giành được độc lập, thống nhất.
- B. Sự ra đời của tổ chức NATO và các liên minh quân sự.
- C. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- D. Sự phát triển của xu thế khu vực hoá trên thế giới.

**Câu 2.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 khi

- A. các nước trong khu vực Đông Nam Á giành độc lập hoàn toàn.
- B. cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ thất bại.
- C. một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á
- D. Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

**Câu 3.** Yếu tố khách quan thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là:

- A. nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á.
- B. mong muốn duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
- C. các nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong xây dựng và phát triển đất nước.
- D. những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều.

**Câu 4.** Năm 1961, ở khu vực Đông Nam Á, tổ chức nào sau đây được thành lập?

- A. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va
- B. Hiệp hội Đông Nam Á
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- D. Cộng đồng kinh tế châu Âu

**Câu 5.** Tổ chức khu vực nào sau đây được thành lập ở Đông Nam Á năm 1963?

- A. MAPHILINDO.
- B. NAFTA.
- C. APEC.
- D. EU.

**Câu 6.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập năm 1967 tại

- A. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).
- B. Cua-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a).
- C. Ba-li (In-đô-nê-xi-a).
- D. Băng Cốc (Thái Lan).

**Câu 7.** Các nước sáng lập ASEAN là

- A. Việt Nam, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
- C. Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
- D. Lào, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.

**Câu 8.** Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

- A. Toàn cầu hóa
- B. Hòa hoãn Đông-Tây
- C. Đa cực, nhiều trung tâm
- D. Liên kết khu vực

**Câu 9.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ra đời trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Ba nước Đông Dương đang tiến hành đổi mới.
- B. Trật tự thế giới đa cực chi phối quan hệ quốc tế.
- C. Tất cả các nước thuộc địa đã giành được độc lập.
- D. Cục diện chiến tranh lạnh đang bao trùm thế giới.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng bối cảnh thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á(ASEAN)?

- A. Một số nước trong khu vực Đông Nam Á đã giành được độc lập.
- B. Trên thế giới xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác khu vực có hiệu quả.
- C. Các cường quốc tìm cách tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á.
- D. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam đã hoàn toàn kết thúc.

**Câu 11.** Sự kiện lịch sử nào sau đây diễn ra trong thời kì trật tự hai cực I-an-ta xác lập và phát triển?

- A. Việt Nam gia nhập ASEAN.
- B. Hiến chương ASEAN được thông qua.
- C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ.
- D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập.

**Câu 12.** Một trong những mục đích thành lập của ASEAN là

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội trong khu vực.
- B. tăng cường hợp tác quốc phòng, an ninh và hình thành liên minh phòng thủ.
- C. thành lập một tổ chức chính trị, quân sự chung trong khu vực Đông Nam Á.
- D. giải quyết tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp quân sự hoà bình.

**Câu 13.** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích thành lập của ASEAN?

- A. Thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á.
- B. Thúc đẩy hợp tác quân sự, tạo ra một liên minh quân sự trong khu vực.
- C. Thúc đẩy hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hóa.
- D. Thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực.

**Câu 14.** Nhận xét nào sau đây là đúng về sự thành lập của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Sự thành lập của tổ chức nhằm đối phó với những thách thức từ bên trong và bên ngoài.
- B. Sự thành lập tổ chức là kết quả tất yếu của sự phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất.
- C. Những tác động từ bên ngoài là yếu tố quyết định, then chốt dẫn đến sự ra đời của tổ chức.
- D. Những nước sáng lập tổ chức có trình độ phát triển đồng đều nhưng đối lập về thể chế chính trị.

**Câu 15.** Tổ chức ASEAN xác định mục tiêu thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực thông qua việc

- A. tôn trọng công lý và luật pháp quốc tế
- B. đề cao công tác nghiên cứu Đông Nam Á
- C. giúp đỡ lẫn nhau về mặt kinh tế, văn hóa
- D. ra sức mở rộng quan hệ với các cường quốc

**Câu 16.** “Nỗ lực phát triển khu vực Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, tự do, thịnh vượng và thống nhất tất cả các nước thành viên” là mục đích của tổ chức nào sau đây?

- A. Hiệp hội Đông Nam Á (ASA)
- B. Tổ chức MAPHILINDO
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
- D. Tổ chức Liên hợp quốc (UN)

**Câu 17.** Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

- A. phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung.
- B. nhất thể hóa về kinh tế, chính trị, đối ngoại, an ninh toàn Đông Nam Á
- C. củng cố quan hệ chính trị, giúp đỡ các nước Đông Dương giành độc lập.
- D. thủ tiêu mọi mâu thuẫn và tranh chấp ở tất cả các quốc gia trong khu vực.

**Câu 18.** Sự thành lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1967 cho thấy

- A. hợp tác, liên kết là điều kiện quan trọng để thúc đẩy phát triển.
- B. sự vươn lên mạnh mẽ của các nước thuộc địa sau khi giành độc lập.
- C. sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các cường quốc.
- D. nhu cầu hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á trở nên cấp thiết.

**Câu 19.** Số lượng thành viên phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 diễn ra trong

- A. 30 năm (1967 – 1997).
- B. 32 năm (1967 - 1999).
- C. 17 năm (1967 1984).
- D. 48 năm (1967 – 2015).

**Câu 20.** Những quốc gia nào sau đây là thành viên thứ 8 và thứ 9 của ASEAN?

- A. Việt Nam và Lào.
- B. Lào và Mi-an-ma.
- C. Cam-pu-chia và Bru-nây.
- D. Bru-nây và Mi-an-ma.

**Câu 21.** Cam-pu-chia là thành viên thứ mấy của ASEAN?

- A. 7.

- B. 8.
- C. 9.
- D. 10.

**Câu 22.** Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều

- A. có nền kinh tế phát triển.
- B. đã giành được độc lập.
- C. có chế độ chính trị tương đồng.
- D. có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

**Câu 23.** Nội dung nào sau đây là khó khăn trong quá trình mở rộng thành viên của ASEAN từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989)?

- A. Sự khác biệt về thể chế chính trị.
- B. Tác động từ các nước châu Âu.
- C. Mâu thuẫn gay gắt về tôn giáo.
- D. Tác động từ chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 24.** Ban Thư kí ASEAN có trụ sở tại

- A. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).
- B. Băng Cốc (Thái Lan).
- C. Hà Nội (Việt Nam).
- D. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).

**Câu 25.** Một trong những sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN trong giai đoạn 1967 – 1976 là

- A. *Hiệp ước Ba-li* được kí kết.
- B. Hiến chương ASEAN được thông qua.
- C. ASEAN thành lập khu vực trung lập.
- D. Cộng đồng ASEAN được thành lập.

**Câu 26.** Trong giai đoạn 1999 – 2015, ASEAN đạt được thành tựu quan trọng nào sau đây?

- A. Giải quyết xong mọi tranh chấp, xung đột trong khu vực.
- B. Phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.
- C. Ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- D. *Hiến chương ASEAN* được thông qua.

**Câu 27.** Một trong những thành tựu về an ninh, chính trị của ASEAN trong giai đoạn 1976 - 1999 là:

- A. Tham gia tiến trình chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Cam-pu-chia.
- B. Ra tuyên bố về Đông Nam Á là khu vực hòa bình, tự do và trung lập.
- C. Xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN.
- D. Xây dựng trụ sở ASEAN ở thủ đô Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).

**Câu 28.** Nội dung nào sau đây là hạn chế trong quá trình phát triển của ASEAN từ khi thành lập (1967) đến nay?

- A. Tranh chấp lãnh thổ diễn ra thường xuyên ở Đông Nam Á.
- B. Sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước thành viên.
- C. Mâu thuẫn gay gắt về vấn đề xây dựng các đập thủy điện.
- D. Sự chỉ phối và tác động của một số cường quốc bên ngoài.

**Câu 29.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến quan hệ đối thoại, hợp tác và hội nhập giữa tổ chức ASEAN với ba nước Đông Dương từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX là

- A. do cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- B. do đây là xu thế chung của thế giới.
- C. vấn đề Campuchia được giải quyết.
- D. tác động của xu thế Toàn cầu hóa.

**Câu 30.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh vai trò của tổ chức ASEAN đối với khu vực Đông Nam Á?

- A. Là nhân tố hàng đầu đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực,

B. Quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trong khu vực.

C. Củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nước ở trong khu vực.

D. Thúc đẩy sự tăng trưởng về kinh tế của các nước thành viên ASEAN.

**Câu 31.** Đây là nhận xét đúng về vai trò của tổ chức ASEAN trên trường quốc tế?

A. Liên minh chính trị - kinh tế chiến lược của khu vực Đông Nam Á.

B. Diễn đàn hợp tác kinh tế đa phương ở châu Á - Thái Bình Dương.

C. Liên minh hợp tác toàn diện, hiệu quả của khu vực Đông Nam Á.

D. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất của châu Á.

**Câu 32.** Trong 10 năm đầu sau khi thành lập (1967-1976), hợp tác kinh tế của tổ chức ASEAN

A. chịu những tác động sâu sắc của xu hướng quốc tế hóa

B. chưa đáp ứng được mục tiêu của các nước thành viên

C. bị chi phối mạnh mẽ bởi tổ chức thương mại thế giới

D. chưa được đề ra trong mục tiêu hoạt động của tổ chức

**Câu 33.** Từ năm 1967 đến năm 1976 là giai đoạn tổ chức ASEAN

A. hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác quốc tế.

B. xây dựng và phát triển cộng đồng ASEAN vững mạnh.

C. thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức.

D. ra sức mở rộng thành viên và nâng cao vị thế quốc tế.

**Câu 34.** Từ năm 1976 đến năm 1999 là giai đoạn tổ chức ASEAN

A. hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác quốc tế.

B. xây dựng và phát triển cộng đồng ASEAN vững mạnh.

C. thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức.

D. ổn định chính trị khu vực và mở rộng thành viên

**Câu 35.** Hiệp ước Bali (2-1976) của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã

A. thông qua quyết định kết nạp Mi-an-ma vào ASEAN.

B. tạo tiền đề trực tiếp cho việc xây dựng Cộng đồng ASEAN.

C. đánh dấu bước ngoặt và sự khởi sắc của ASEAN

D. đánh dấu hoàn thiện cơ cấu tổ chức của ASEAN.

**Câu 36.** Nội dung nào sau đây giải thích **không** đúng về lí do mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX?

A. Chống lại sự hình thành trật tự đa cực nhiều trung tâm sau Chiến tranh lạnh.

B. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.

C. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

**Câu 37.** Năm 2007, để xây dựng ASEAN trở thành một cộng đồng vững mạnh, các nước thành viên đã

A. ký Hiệp ước Thân thiện và hợp tác.

B. thành lập cộng đồng ASEAN.

C. thành lập diễn đàn khu vực ASEAN.

D. thông qua Hiến chương ASEAN.

**Câu 38.** Nội dung nào **không phải** mục tiêu của Hội nghị cấp cao ASEAN ở Bali (2/1976)?

A. Xây dựng khu vực Đông Nam Á trở thành đối trọng với các tổ chức khác.

B. Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.

C. Thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam Á.

D. Tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực.

**Câu 39.** Yếu tố nào có ý nghĩa quyết định đến quá trình mở rộng thành viên của ASEAN?

A. Chiến tranh lạnh chấm dứt.

B. Xu thế hòa hoãn Đông Tây.

C. Nhu cầu hợp tác của các nước trong khu vực.  
được giải quyết.

D. Vấn đề Campuchia

**Câu 40.** Hiệp ước Bali năm 1976 đánh dấu bước phát triển mới của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vì đã

- A. Đề ra các biện pháp để nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.
- B. Xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
- C. Đề ra các biện pháp xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, tự do, trung lập.
- D. Đề ra các biện pháp cụ thể về hợp tác kinh tế, chính trị trong khu vực.

**Câu 41.** Quan hệ Việt Nam và ASEAN chuyển từ đối đầu sang đối thoại sau khi giải quyết xong “vấn đề

- A. nhân quyền”.
- B. Biển Đông”.
- C. Việt Nam”.
- D. Campuchia”.

**Câu 42.** Đây là nguyên nhân đã thúc đẩy Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Quan hệ ASEAN và Việt Nam chuyển sang đối thoại, hợp tác.
- B. Đây nội dung trong chính sách đối ngoại được Liên Xô đồng ý.
- C. Tất cả các nước Đông Nam Á đã gia nhập vào tổ chức ASEAN.
- D. Tổ chức ASEAN phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam.

**Câu 43.** Cơ hội lớn nhất khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN (1997) là

- A. khai thác vốn đầu tư, khoa học - công nghệ.
- B. giao lưu, học hỏi về văn hóa, giáo dục, y tế.
- C. tiếp thu những kinh nghiệm quản lý sản xuất.
- D. được mở rộng thị trường trao đổi hàng hóa

**Câu 44.** Nội dung nào phản ánh không đúng vai trò của tổ chức ASEAN đối với việc bảo vệ hòa bình, ổn định ở khu vực và Biển Đông?

- A. Đoàn kết nhất trí và thể hiện vai trò, tinh thần trách nhiệm cao.
- B. Khẳng định các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và ASEAN.
- C. Lên án, phản đối hành động xâm phạm chủ quyền các quốc gia.
- D. Dùng biện pháp quân sự để bảo vệ hòa bình, ổn định ở khu vực.

**Câu 45.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng những cơ hội khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Thu hút vốn đầu tư và khoa học - công nghệ tiên tiến.
- B. Tăng cường giao lưu về mọi mặt và mở rộng thị trường.
- C. Đẩy mạnh được công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- D. Tranh thủ viện trợ để giải quyết khó khăn ở trong nước.

**Câu 46.** Thách thức lớn nhất về mặt kinh tế khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN là

- A. chịu sự cạnh tranh quyết liệt
- B. tụt hậu về kinh tế, công nghệ.
- C. sử dụng nguồn vốn bất hợp lý.
- D. điểm xuất phát thấp về kinh tế.

**Câu 47.** Từ sự phát triển kinh tế của Xin-ga-po ở những thập kỷ cuối thế kỷ XX, Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay?

- A. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế.
- B. Chú trọng phát triển ngành công nghệ phần mềm.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.
- D. Coi trọng khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 48.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN?

- A. Góp phần nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế
- B. Mở ra triển vọng liên kết với các nước bên ngoài khu vực
- C. Chứng tỏ ASEAN là liên minh chính trị lớn nhất hành tinh
- D. Mở ra triển vọng cho sự liên kết toàn khu vực Đông Nam Á

**Câu 49.** Nội dung nào sau đây không phải là điều kiện khách quan thuận lợi để Việt Nam gia nhập

ASEAN năm 1995?

- A. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ Việt- Mỹ bình thường hóa
- B. Vấn đề Campuchia được giải quyết
- C. Xu thế toàn cầu hóa phát triển
- D. Việt Nam đang tiến hành đổi mới, mở cửa nền kinh tế

**Câu 50.** Điều **không** phải là điểm chung trong nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN và Liên hợp quốc?

- A. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- B. Hợp tác phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.
- C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình

## PHẦN 2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

*"Thứ ba, để thực hiện các tôn chỉ và mục đích của ASEAN, sẽ thiết lập bộ máy dưới đây: a) Hội nghị hàng năm của các Ngoại trưởng sẽ được tiến hành trên cơ sở luân phiên và được gọi là Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN... Thứ tư, Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tán thành tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích nói trên tham gia".*

(Tuyên bố Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (Tuyên bố Băng Cốc), ngày 8-8-1967)

- a. ASEAN mở rộng cho tất cả các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á.
- b. Hội nghị Ngoại trưởng là cơ chế quyền lực hàng đầu giải quyết các vấn đề của ASEAN.
- c. Hội nghị Ngoại trưởng diễn ra không theo định kỳ.
- d. Hiệp hội hoạt động trên cơ sở đồng thuận giữa các quốc gia.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d

*"Trong thập niên 1990, các nước ASEAN đã xúc tiến việc thực hiện những mục tiêu của Tuyên bố ZOPFAN nhằm biến Đông Nam Á thành khu vực tự do, hòa bình và trung lập. Từ tháng 12-1987, Hội nghị cấp cao ASEAN-3 tại Ma-ni-la, các nước ASEAN đã khẳng định quyết tâm biến Đông Nam Á thành khu vực phi vũ khí hạt nhân. Sau đó, tại Hội nghị cấp cao ASEAN-5 ở Băng Cốc (12-1995), các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ)"*

(Lương Ninh (Chủ biên), Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến nay, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.839)

- a. Tuyên bố ZOPFAN có mục tiêu biến Đông Nam Á thành khu vực không có vũ khí hạt nhân.
- b. SEANWFZ là tên viết tắt của Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân.
- c. SEANWFZ được ký kết vào tháng 12-1987 tại Ma-ni-la.

d. Nội dung đoạn tư liệu trên phản ánh quá trình hợp tác an ninh và ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á của ASEAN.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

*“Nhận thức được sự tồn tại của các mối quan tâm lẫn nhau và các vấn đề chung giữa các nước Đông Nam Á và tin tưởng vào sự cần thiết phải tăng cường hơn nữa các mối quan hệ đoàn kết sẵn có trong khu vực; mong muốn xây dựng một nền tảng vững chắc cho hành động chung nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Nam Á; các nước Đông Nam Á có trách nhiệm chính trong việc tăng cường ổn định kinh tế và xã hội của khu vực và bảo đảm sự phát triển đất nước hoà bình và tiến bộ, quyết tâm bảo đảm sự ổn định và an ninh không có sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất kì hình thức hoặc biểu hiện nào”.*

(Tuyên bố Băng Cốc, ngày 8-8-1967)

- a. Tuyên bố Băng Cốc là văn kiện được đưa ra sau khi ASEAN đã được thành lập và đi vào hoạt động.
- b. Tuyên bố Băng Cốc cho thấy một trong những mục đích thành lập của ASEAN là thúc đẩy hợp tác.
- c. Tuyên bố Băng Cốc đóng vai trò là Hiến chương của ASEAN từ khi thành lập đến năm 2008.
- d. Tuyên bố Băng Cốc là văn bản pháp lí để ASEAN hiện nay trở thành một liên minh quân sự.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

*“Thứ ba, để thực hiện các tôn chỉ và mục đích của ASEAN, sẽ thiết lập bộ máy dưới đây: a) Hội nghị hàng năm của các Ngoại trưởng sẽ được tiến hành trên cơ sở luân phiên và được gọi là Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN,...*

*Thứ tư, Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tán thành các tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích nói trên tham gia”.*

(Tuyên bố Băng Cốc, ngày 8-8-1967)

- a. Đoạn tư liệu đề cập đến việc tổ chức hội nghị hàng năm của ngoại trưởng các nước ASEAN.
- b. Nội dung *Tuyên bố Băng Cốc* cho thấy ASEAN sẵn sàng tiếp tục kết nạp thêm những thành viên khác trong khu vực.
- c. Tuyên bố Băng Cốc đóng vai trò là cơ sở pháp lí quan trọng nhất của ASEAN đến năm 2009.
- d. Hiện nay, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao không còn là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

*“Quyết tâm sử dụng những cố gắng cần thiết bước đầu để bảo đảm việc công nhận và tôn trọng Đông Nam Á là một khu vực hoà bình, tự do và trung lập, không có sự can thiệp dưới bất kì hình thức và phương cách nào của các nước ngoài khu vực. Các nước Đông Nam Á cần phối hợp nỗ lực nhằm mở rộng các lĩnh vực hợp tác để góp phần tăng cường sức mạnh, tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó hơn nữa”.*

(ASEAN, Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập, ngày 27-11-1971)

- a. Nội dung tư liệu đề cập sự kiện các nước Đông Nam Á thành lập khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- b. Nội dung tuyên bố nhấn mạnh việc ASEAN không chấp nhận sự can thiệp của các nước ngoài khu vực.

c. Văn kiện trên có vai trò quyết định trong việc duy trì hoà bình, thống nhất và trung lập của Đông Nam Á.

d. Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập vẫn có giá trị đối với tổ chức ASEAN ngày nay.

## BÀI 5

### CỘNG ĐỒNG ASEAN – TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

#### PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

**Câu 1.** Văn kiện *Tầm nhìn ASEAN 2020* được thông qua đã đáp ứng được nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á

**A. gắn kết, hữu nghị, ổn định và hợp tác.**

**B. không chịu ảnh hưởng của các**

**cường quốc.**

**C. nhất thể hóa, không có cạnh tranh.**

**D. không có sự chênh lệch về trình độ**

**phát triển.**

**Câu 2.** Một trong những nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

**A. hướng tới xây dựng đồng tiền chung của Đông Nam Á.**

**B. thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng.**

**C. phát triển nguồn nhân lực có tri thức cao.**

**D. cùng nhau xây dựng các hàng rào thuế quan cho từng quốc gia.**

**Câu 3.** Một trong những nội dung của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

**A. Xây dựng một xã hội chia sẻ, hòa thuận, đùm bọc lẫn nhau.**

**B. Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.**

**C. Tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực.**

**D. Thúc đẩy trao đổi văn hóa, đề cao thống nhất trong đa dạng.**

**Câu 4.** Nhận xét nào sau đây là đúng về quá trình thành lập Cộng đồng ASEAN?

**A. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được đề ra ngay khi thành lập tổ chức.**

**B. Cộng đồng ASEAN ra đời là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài.**

**C. Quá trình thành lập Cộng đồng ASEAN không chịu tác động từ bên ngoài.**

**D. Sự tương đồng về thể chế chính trị là cơ sở thành lập Cộng đồng ASEAN.**

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng giữa hai văn kiện *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025* và *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025*?

**A. Được thông qua sau khi Cộng đồng ASEAN đã đi vào hoạt động.**

**B. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý về vấn đề tranh chấp Biển Đông.**

**C. Đề xuất các ý tưởng và lộ trình để thành lập Cộng đồng ASEAN.**

**D. Khẳng định sự hợp tác giữa các nước thành viên trên cả ba trụ cột.**

**Câu 6.** ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng xây dựng Cộng đồng khi đã

**A. xóa bỏ hoàn toàn hàng rào thuế quan trong buôn bán giữa các nước.**

**B. xóa bỏ hết mâu thuẫn song phương và đa phương trong khu vực.**

**C. kết nạp đầy đủ tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.**

**D. đạt được những thành tựu nhất định trong quá trình phát triển.**

**Câu 7.** Trong quá trình hoạt động và phát triển, Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với thách thức nào sau đây?

**A. Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo.**

**B. Quá trình hoàn thiện các thể chế, chính sách tiếp tục được đẩy mạnh.**

**C. Mức độ liên kết, hợp tác giữa các nước thành viên ngày càng sâu rộng**

**D. Quan hệ với các đối tác bên ngoài khu vực ngày càng rộng mở.**

**Câu 8.** Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN không bao gồm nội dung cơ bản nào sau đây?

- A. Phát triển con người, đảm bảo phúc lợi và bảo hiểm xã hội.  
 B. Đảm bảo môi trường bền vững, tạo dựng bản sắc ASEAN.  
**C. Hội nhập đầy đủ, sâu sắc vào nền kinh tế chung của toàn cầu.**  
 D. Thu hẹp khoảng cách phát triển, xây dựng bình đẳng xã hội.
- Câu 9.** Việc xây dựng Cộng đồng ASEAN không nhằm mục tiêu nào sau đây?  
**A. Xóa bỏ khoảng cách và sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước.**  
 B. Khiến các nước thành viên có sự ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý.  
 C. Mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài thông qua nhiều khuôn khổ.  
 D. Đưa ASEAN thành tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng.
- Câu 10.** Văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN là  
 A. Tuyên bố Ba-li II  
**B. Tầm nhìn ASEAN 2020.**  
 C. Hiệp định Khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN.  
 D. Tuyên bố Cua-la Lăm-pua
- Câu 11.** Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng  
 A. xây dựng một chính phủ chung có liên kết sâu rộng, hướng tới một liên minh chính trị, quân sự.  
 B. một tổ chức hợp tác liên minh liên kết sâu rộng dựa trên cơ sở là luật pháp của các nước thành viên.  
 C. một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng theo mô hình siêu nhà nước.  
**D. một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.**
- Câu 12.** Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhóm họp tại Ma-lai-xi-a, chính thức thành lập  
 A. Hội đồng các nước ASEAN.  
 B. Ủy ban ASEAN.  
**C. Cộng đồng ASEAN,**  
 D. Liên minh ASEAN.
- Câu 13.** Năm 2015, tổ chức ASEAN đã có hoạt động nào sau đây?  
 A. Thống nhất chủ đề “Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động”.  
 B. Thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025  
**C. Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN.**  
 D. Thông qua Tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN II.
- Câu 14.** Văn kiện *Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009-2015)* đã  
 A. đánh dấu Cộng đồng ASEAN chính thức có hiệu lực.  
 B. tạo hành lang pháp lý cho xây dựng Cộng đồng ASEAN.  
 C. xác định nguyên tắc trong quan hệ giữa các nước.  
**D. vạch ra kế hoạch để xây dựng Cộng đồng ASEAN.**
- Câu 15.** Nội dung nào sau đây là cơ sở để thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN?  
 A. Những thành tựu trong việc xóa bỏ hàng rào thuế quan.  
 B. Sự tương đồng về năng lực sản xuất giữa các nước.  
**C. Các chương trình hợp tác kinh tế ASEAN đã thực hiện.**  
 D. Các yếu tố cạnh tranh trong kinh tế đã bị xóa bỏ.
- Câu 16.** Sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập?  
 A. Các nước sáng lập ASEAN thông qua Tuyên bố Băng Cốc.  
 B. Hội nghị cấp cao ASEAN thông qua Tầm nhìn ASEAN 2020.  
 C. Các nước ASEAN kí Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á.  
**D. Các nhà lãnh đạo ASEAN kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pua**
- Câu 17.** Mục tiêu “xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á” được đề ra năm 1967 trong văn kiện nào sau đây của tổ chức ASEAN?  
 A. Hiến chương ASEAN.  
 B. Hiệp ước Ba-li.  
 C. Tầm nhìn ASEAN 2020.  
**D. Tuyên bố Băng Cốc.**
- Câu 18.** Văn kiện nào sau đây đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng Cộng đồng ASEAN?  
**A. Hiến chương ASEAN**  
 B. Tầm nhìn ASEAN 2020.

C. Tuyên bố về Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập

D. Tuyên bố Ba-li I

**Câu 19.** Nội dung nào sau đây là thách thức của Cộng đồng ASEAN đến từ bên ngoài?

A. Sự khác biệt trong hệ thống chính trị và tôn giáo giữa các quốc gia trong Cộng đồng.

**B. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương.**

C. Sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề tạo sự cạnh tranh trong xuất khẩu.

D. Sự chênh lệch đáng kể về thu nhập và trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên.

**Câu 20.** Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN là những văn kiện thể hiện nỗ lực của tổ chức ASEAN trong việc xây dựng Cộng đồng

A. Giáo dục-Công nghệ

B. Chính trị-An ninh

**C. Kinh tế**

D. Văn

hóa-Xã hội

**Câu 21.** Ý nào sau đây **không** đúng về Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)?

**A. APSC tạo ra một liên minh quân sự ở khu vực Đông Nam Á.**

B. APSC hoạt động dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

C. APSC hướng đến xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh.

D. APSC là khuôn khổ hợp tác chính trị – an ninh toàn diện.

**Câu 22.** APSC là tên viết tắt bằng tiếng Anh của

A. Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN

**B. Cộng đồng Chính trị-An ninh**

**ASEAN.**

C. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam

Á.

**Câu 23.** Văn kiện nào sau đây thể hiện ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN?

A. Hiệp ước Ba-li năm 1976.

**B. Tầm nhìn ASEAN 2025.**

C. Tuyên bố Ba-li năm 1976.

**D. Tầm nhìn ASEAN 2020.**

**Câu 24.** Năm 2015, cùng với việc thành lập Cộng đồng ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua văn kiện nào sau đây?

**A. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.**

B. Hiến chương ASEAN.

C. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025.

D. Tầm nhìn ASEAN 2020

**Câu 25.** Nội dung nào sau đây không là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

**A. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.**

B. Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

C. Sự vươn lên của khu vực Đông Nam Á.

D. ASEAN có quan hệ rộng lớn với các đối tác bên ngoài.

**Câu 26.** Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua năm 1997 tại hội nghị nào sau đây?

A. Hội nghị thành lập tổ chức ASEAN tại Băng Cốc.

**B. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a.**

C. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 5 tại Băng Cốc.

D. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.

**Câu 27.** Một trong những nội dung chính hoạt động của Cộng đồng Văn hoá -Xã hội ASEAN là xây dựng

A. cơ sở hạ tầng cho các quốc gia thành viên trong khu vực.

B. liên kết về văn hoá và bản sắc giữa khu vực ASEAN với bên ngoài.

**C. tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN.**

D. chính sách an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo cho từng quốc gia.

**Câu 28.** Đóng góp của Việt Nam nhằm thúc đẩy nâng cao vai trò của Cộng đồng ASEAN trên trường quốc tế.

A. Việt Nam có nhiều sáng kiến và đóng góp quan trọng góp phần giữ vững các mục tiêu, nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội.

B. phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, điều phối thông qua việc đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN vào các năm 2010 và 2020; đồng thời chủ trì và đăng cai tổ chức nhiều hội nghị, sự kiện quan trọng.

C. mở rộng quan hệ và thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN với các đối tác.

D. Việt Nam tham gia quá trình xây dựng nguyên tắc, định hình “luật chơi” của khu vực, cùng ASEAN bảo đảm hòa bình, an ninh, ổn định, thúc đẩy đối thoại và hợp tác.

**Câu 29.** Ý nào sau đây **không** phải là nội dung chính của Cộng đồng Văn hoá - xã hội ASEAN?

A. Xây dựng bản sắc ASEAN.

B. Bảo đảm bền vững về môi trường.

C. Bình đẳng xã hội và các quyền.

D. Phát hành đồng tiền chung khu vực.

**Câu 30.** Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã

A. đòi hỏi nhân dân thay đổi đáng kể do gia tăng số lượng thành viên trong Cộng đồng.

B. đáp ứng được tất cả các yêu cầu của các nước thành viên về sự phát triển kinh tế.

C. đáp ứng nguyện vọng của các nước thành viên về một khu vực gắn kết, hữu nghị, hợp tác.

D. làm cho mục tiêu hợp tác về chính trị- an ninh giữa các nước bị chi phối bởi quốc tế.

**Câu 31.** Mục tiêu xây dựng một Cộng đồng ASEAN dựa trên cơ sở Hiến chương ASEAN. Hiến chương ASEAN có tính chất nào sau đây?

A. Hợp tác.

B. Pháp lí.

C. Khoa học.

D. Đối ngoại.

**Câu 32.** ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại

A. hội nghị kí kết hiệp ước thân thiện và hợp tác (1976).

B. lễ kết nạp Campuchia năm 1999.

C. hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức (1997).

D. hội nghị thành lập ASEAN (1967).

**Câu 33.** Một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN là

A. liên kết tất cả các lĩnh vực.

B. mở rộng hợp tác với bên ngoài.

C. xoá bỏ đường biên giới ở khu vực

D. phụ thuộc đầu tư bên ngoài.

**Câu 34.** Một trong những thách thức phi truyền thống của cộng đồng ASEAN sau năm 2015 là?

A. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ngày càng gia tăng...

B. Là địa bàn cạnh tranh địa chiến lược truyền thống giữa các nước lớn.

C. Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo.

D. Khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước thành viên.

**Câu 35.** Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

A. Cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực.

B. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, loại dịch bệnh.

C. Diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông tới khu vực.

D. Vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

**Câu 36.** Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

A. Vai trò, vị thế của ASEAN đã được khẳng định trên trường quốc tế.

B. Cộng đồng ASEAN là tổ chức có quy mô kinh tế đứng đầu thế giới.

C. Sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo, văn hóa giữa các thành viên.

D. Dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đã được kiểm soát.

**Câu 37.** Mục tiêu tổng quát của cộng đồng ASEAN là?

A. xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng.

B. Xây dựng ASEAN thành một khu vực có nền kinh tế phát triển phồn vinh.

C. Xây dựng cộng đồng ASEAN với nền văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc.

D. Xây dựng cộng đồng chính trị - an ninh vững mạnh.

**Câu 38.** Tham gia vào Cộng đồng ASEAN sẽ đem lại những cơ hội nào cho Việt Nam để tiến hành xây dựng kinh tế đất nước?

A. Có thêm lực lượng đương đầu với Trung Quốc ở Biển Đông.

B. Nhận được sự đầu tư về vốn, tiếp thu khoa học công nghệ.

C. Khắc phục được tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

D. Nâng cao vị thế quốc tế để gia nhập vào Hội đồng bảo an.

**Câu 39.** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu của cộng đồng ASEAN?

A. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức liên kết sâu rộng.

B. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lí.

**C. chỉ hợp tác ở trong khu vực, hạn chế mở rộng hợp tác với bên ngoài.**

**D. đảm bảo hoà bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực.**

**Câu 40.** Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN khởi nguồn từ khi

**A. thành viên thứ 10 được kết nạp.**

**B. Hiệp ước Bali được kí kết.**

**C. Việt Nam gia nhập ASEAN.**

**D. ASEAN thành lập.**

## **PHẦN 2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

*“Đến năm 2020, ASEAN sẽ thiết lập được một Đông Nam Á hoà bình và ổn định, ở đó mỗi nước sống bình yên, những nguyên nhân xung đột đã được loại bỏ qua việc tôn trọng công lí, luật pháp và tăng cường tinh thần tự cường quốc gia và khu vực,... toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một Cộng đồng ASEAN nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực”.*

**(Trích: Tầm nhìn ASEAN 2020)**

a. Nội dung *Tầm nhìn ASEAN 2020* hướng đến xây dựng một ASEAN hoà bình và ổn định.

b. Đến năm 2020, ASEAN chính thức được chuyển thành Cộng đồng ASEAN.

c. Những nguyên nhân xung đột đã được loại bỏ ở Đông Nam Á trước và sau năm 2020.

d. *Tầm nhìn ASEAN 2020* hướng đến xây dựng một cộng đồng ASEAN gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 tại Jakarta, Indonesia, từ ngày 4 đến 7/9/2023 với chủ đề “Một ASEAN tầm vóc: Tâm điểm của tăng trưởng”, Chủ tịch ASEAN năm 2023 Indonesia tích cực thúc đẩy nhiều ưu tiên, sáng kiến hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững ở khu vực, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của ASEAN, vừa tạo động lực để ASEAN phát triển, vừa củng cố vai trò của Hiệp hội là lực lượng chủ đạo trong các tiến trình đối thoại, hợp tác vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững ở khu vực.

Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 có ý nghĩa quan trọng, là dịp để các lãnh đạo thảo luận những vấn đề chiến lược tác động đến khu vực, tiến trình phát triển của ASEAN, các biện pháp nâng tầm và tạo động lực cho hợp tác ASEAN thời gian tới, cũng như trao đổi về các vấn đề quốc tế, khu vực cùng quan tâm”.

**(Trích “ Tầm nhìn ASEAN 2023”- NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội”)**

a. Chủ tịch ASEAN năm 2020 là In-đô-nê-xi-a.

b. Mục đích của Hội nghị ASEAN lần thứ 43 là trao đổi về các vấn đề quốc tế, không nằm trong khuôn khổ hợp tác ASEAN.

c. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 có liên quan đến việc giải quyết vấn đề Biển Đông

d. Chủ tịch ASEAN năm 2023 là Indonesia đã thúc đẩy nhiều sáng kiến hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững ở khu vực, chứng tỏ Indonesia đang đóng vai trò quyết định trong sự phát triển và thịnh vượng của ASEAN.

**Câu 3.** Cho bảng dữ kiện dưới đây về các giai đoạn phát triển chính của ASEAN, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

| Giai đoạn  | Sự kiện tiêu biểu                                                                                                                                     |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1967- 1976 | -Năm 1967: ASEAN được thành lập.<br>- Năm 1971: ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.<br>-Năm 1976, Hiệp ước Ba-li được kí kết.  |
| 1976- 1999 | - 1984: Bru-nây gia nhập ASEAN.<br>- 1995: Việt Nam gia nhập ASEAN.<br>- 1997: Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN.<br>- 1999: Cam-pu-chia gia nhập ASEAN. |
| 1999-2015  | Năm 2007: Hiến chương ASEAN được thông qua.                                                                                                           |
| 2015 - nay | Năm 2015: Cộng đồng ASEAN được thành lập.                                                                                                             |

- Hiệp ước Ba-li và Hiến chương ASEAN là những văn kiện quan trọng trong quá trình phát triển của ASEAN.
- Trong giai đoạn 1967 - 1976, ASEAN đã hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
- Trong giai đoạn 1976 - 1999, ASEAN có sự phát triển nhanh chóng về số lượng thành viên.
- Cộng đồng ASEAN là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của ASEAN và khu vực Đông Nam Á.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

*“Chúng tôi quyết tâm củng cố vững mạnh Cộng đồng của chúng ta, phát huy những kết quả đạt được và làm sâu sắc tiến trình liên kết để hiện thực hoá một Cộng đồng ASEAN dựa trên luật lệ, hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm, nơi người dân của chúng ta được hưởng các quyền con người và tự do cơ bản, với chất lượng cuộc sống cao hơn cùng các lợi ích mà tiến trình xây dựng cộng đồng mang lại, tăng cường sự gắn kết và bản sắc chung, trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN”.*

*(Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, thông qua năm 2015)*

- Cộng đồng ASEAN hoạt động dựa trên các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN.
- Cộng đồng ASEAN hướng tới xây dựng các quốc gia trong khu vực cùng có một bản sắc văn hoá.
- Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 hướng tới lấy người dân trong khu vực làm trung tâm.
- Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 hướng đến tăng cường sự đoàn kết gắn bó trong khu vực.

